

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-PT

Ngày: 18/11/2019

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyết.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện, bà Nguyễn Thị Thu Hoài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLPT-DS ngày 25/9/2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2019/QĐPT-DS ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 45/2019/QĐ-PT ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu P; sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 3, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu Á; sinh năm 1950; nơi ĐKKHKT: Phường N, TP. H, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương - Có mặt.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Bà Ngô Thị Xuân T - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương - Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; nơi ĐKKHKT: Số 1 B, Q, quận Đ, TP. Hà Nội; nơi ở: Số 13, H, ngách 2, Ngõ 2, đường X, phường X, quận T, TP. Hà Nội - Vắng mặt.

**3.2.** Ông Nguyễn Hữu L; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1959; địa chỉ: 83 Đ, phường P, TP. H, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Hữu H; sinh năm 1972; địa chỉ: L 2, xã V, huyện B, Hải Dương- Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 3, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1957 - Vắng mặt.

3.7. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Hữu Á là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày như sau:*

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Hữu Á (chết ngày 14/10/2017) và cụ Nguyễn Thị Nh (chết ngày 01/02/2018) sinh được 7 người con gồm: Nguyễn Hữu Á, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Nguyễn Hữu D (đã hi sinh năm 1972, chưa có vợ con). Các cụ không có con nuôi, con riêng. Hai cụ có nợ con gái là Nguyễn Thị T số tiền 250.000.000đ, vay để làm nhà. Trước khi chết, vào ngày 16/9/2016 hai cụ đã lập di chúc để phân chia tài sản là nhà, đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 14 của mình và thừa kế nghĩa vụ là khoản nợ nêu trên cho con, cháu như sau:

- Để lại cho cháu nội là Nguyễn Hữu H quyền sử dụng 216m<sup>2</sup> đất có các cạnh: Phía Đông giáp đường liên gia dài 10,8m; phía Tây giáp đất anh H1 dài 10,8m; phía Nam giáp đất ông P dài 22,9m và phía Bắc giáp nhà ông L dài 18,2m. Trên đất có 2 gian nhà mái bằng diện tích 81m<sup>2</sup>. Anh H được hưởng số tài sản này và có nghĩa vụ trả khoản nợ 250.000.000đ cho bà T. Ngoài ra anh H còn có trách nhiệm thờ cúng gia tiên và người chú đã hi sinh.

- Để lại cho con trai là Nguyễn Hữu L quyền sử dụng 227m<sup>2</sup> đất có các cạnh: Phía Đông giáp đường liên gia dài 15m; phía Tây giáp đất anh H1 dài các cạnh 4,4m+ 8,5m+ 10,6m; phía Nam giáp đất anh H dài 18,2m; phía Bắc giáp đường liên xã dài 8,0m.

- Để lại cho con trai là Nguyễn Hữu P quyền sử dụng 325m<sup>2</sup> đất có các cạnh: Phía Đông giáp đường liên gia dài 7,0m; phía Tây giáp đất các gia đình ông T, anh H1, ông B, ông Q có chiều dài theo thứ tự 13,70m+ (8,5m+ 3,4m) + 11,3m+ (3,3+ 8,8m); phía Nam giáp đất ông B, ông Q có chiều dài thứ tự là 11,3m+ (8,8m+ 3,3m+ 23,3m); phía Bắc giáp đất anh H có chiều dài là 22,9m.

Tại thời điểm lập di chúc, bố mẹ ông hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn. Việc lập di chúc là do hai cụ tự nguyện, không bị ai ép buộc, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã V chứng thực nên là di chúc hợp pháp. Vì vậy đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14 và ngôi nhà một tầng kiên cố của hai cụ để lại nằm trên thửa đất này.

Trên thửa đất số 155 nêu trên còn có một số tài sản, công trình khác của hai cụ nhưng không được đề cập trong di chúc nên ông đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với những tài sản này.

Theo kết quả đo hiện trạng, diện tích thửa đất và kích thước các cạnh có sự biến động so với GCNQSDĐ và sơ đồ họa thửa đất kèm theo bản di chúc là do sai số đo đạc. Thực tế hiện nay giữa phần đất của ông, ông L và anh H được hưởng theo di chúc đã có ranh giới phân chia là các tường bao hoặc tường be, do vậy ông đề nghị Tòa chia theo ranh giới này, ai thiếu đất thì phải chịu, ai thừa đất thì đương nhiên được hưởng mà không ai phải trả giá trị chênh lệch cho ai. Con cái không ai có công sức gì đối với đất và tài sản trên đất mà hai cụ để lại.

*\* Tại các biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hữu Á trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ A, cụ Nh sinh được 07 người con và hai cụ đã chết (như ông P trình bày nêu trên). Khi chết bố mẹ ông để lại các di sản như sau: Quyền sử dụng 768m<sup>2</sup> đất tại thửa 155 tờ bản đồ số 14; một thửa đất khác mà ông P đang ở (ông không nắm rõ diện tích, số thửa đối với đất này). Hai cụ không để lại nghĩa vụ gì về tài sản, không nợ bà T cũng như không để lại di chúc nào. Con cái không ai đóng góp công sức gì đối với nhà đất trên của hai cụ. Nhà là do hai cụ xây hoàn toàn bằng nguồn tiền của hai cụ, không phải vay mượn ai vì khi chết hai cụ còn để lại 30.000.000đ, số tiền này do ông P quản lý.

Di chúc mà nguyên đơn cung cấp là di chúc giả vì: Chữ ký của hai cụ trong di chúc là giả mạo; gia đình ông chưa họp bàn bao giờ về nội dung di chúc này; di chúc do nguyên đơn nộp có nội dung khác với di chúc ghi ngày 17/2/2013 vì không có nội dung phần đất còn lại để cho vợ chồng ông sử dụng; nguyên đơn tự ý thay đổi nội dung di chúc do bố ông viết; nguyên đơn tự ý viết ra văn bản nhận tài sản thừa kế có ký tên nguyên đơn và tự chia cho con trai ông là anh H; lãnh đạo xã V giải thích với ông việc ông bà di chúc để lại tài sản cho cháu cũng là đúng luật nhưng chỉ là nói miệng, không trả lời bằng văn bản; bố mẹ ông có nhiều bệnh như teo não, tiểu đường, Pắc kìn sơn, vì thế sinh ra lú lẫn nhưng trong di chúc lãnh đạo xã lại ghi bố mẹ ông hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn là không đúng; di chúc không đề cập đến miếng đất mà trước đây bố mẹ ông đã mua nhưng ông P hiện nay đang ở; nguyên đơn tự ý viết ra biên bản họp gia đình công bố họp di chúc ngày 27/5/2018. Do vậy ông không nhất trí yêu cầu của nguyên đơn. Ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng, sau này anh em ông sẽ tự thỏa thuận phân chia, ông không yêu cầu chia tài sản gì trong vụ án này. Hiện nhà, đất tranh chấp do ông đang quản lý.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị M trình bày về các con của cụ Á, cụ Nh, về thời gian chết của hai cụ, về nợ mà hai cụ để lại và về công sức của các con như nguyên đơn đã trình bày. Khi chết, bố mẹ các bà đã để lại tài sản là nhà đất và số nợ bà T là 250 triệu đồng. Đối với di chúc thừa kế của hai cụ và yêu cầu khởi kiện của ông P về thừa đất số 155 các bà ý kiến như sau:

Khi cụ Á và cụ Nh còn sống, hai cụ đã từng hỏi ý kiến các con gái xem có nguyện vọng lấy đất của bố mẹ không. Nhưng các chị em gái đều ý kiến không lấy, còn tùy bố mẹ quyết định cho ai. Khi bố mẹ đi làm di chúc không thấy kể với các bà, các bà cũng không đi cùng. Tại thời điểm lập di chúc, hai cụ có đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần minh mẫn, tỉnh táo, khỏe mạnh và đi lại được, không bị ai ép buộc phải lập di chúc. Hai bà nhất trí việc chia di sản theo di chúc và không yêu cầu giải quyết, chia tài sản gì khác trong vụ án này. Đối với các tài sản khác trên thửa đất 155 mà chưa được di chúc đề cập đến, đề nghị ai được chia phần đất nào thì đương nhiên được hưởng các tài sản đó mà không phải trả giá trị tài sản này cho ai.

Ngoài ra bà T còn trình bày: Khi đi lập di chúc về, cụ Á có đưa bản gốc di chúc ngày 16/9/2016 cho bà giữ hộ. Đến khi ông P làm đơn yêu cầu UBND xã V phân chia giúp theo di chúc, cán bộ xã bảo phải nộp bản gốc thì bà mới đưa bản gốc di chúc cho ông P giữ và ông P giữ từ 2018 đến nay. Di chúc cụ Á khi đưa cho bà, bà đã thấy đầy đủ chữ ký và điểm chỉ của hai cụ, chứng thực của UBND xã V và bà thấy di chúc đó giống với di chúc ông P nộp trong vụ án này. Về việc hai cụ di chúc cho anh Nguyễn Hữu H (cháu nội hai cụ, con ruột ông Á) nhận một phần di sản và có trách nhiệm trả bà 250.000.000đ, bà nhất trí thực hiện theo di chúc và không ý kiến gì về nội dung này.

- Bà C trình bày: Cụ Á, cụ Nh sinh được 7 người con như các đương sự khai trên, ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi chết hai cụ không nợ nần ai. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên bà là người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo Bộ luật dân sự. Vì vậy bà đề nghị Tòa án chia thửa đất số 155 theo đúng pháp luật thừa kế. Ngoài yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất này, bà không yêu cầu xem xét giải quyết đối với tài sản nào khác.

- Anh H trình bày: Anh là con ruột ông Á, cháu nội cụ Á và cụ Nh. Khi còn sống hai cụ Nh, Á đã tạo lập được một số tài sản trong đó có nhà, đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 14 xã V, huyện T. Khi hai cụ ra UBND xã lập di chúc, hai cụ không nói cho anh biết nhưng trước đó cụ Á có nói với anh ý nguyện của hai cụ là sẽ di chúc để lại cho anh một phần di sản là nhà, đất của hai cụ nằm ở vị trí giữa đất nơi có ngôi nhà mái bằng mà cụ mới xây. Còn phần đất của ông L là nằm phía ngoài giáp đường thôn, phần đất của ông P nằm trong cùng đất của hai cụ. Nay ông P yêu cầu chia di sản theo di chúc, anh nhất trí và nhất trí nhận tài sản theo di chúc và trả bà Nguyễn Thị T 250.000.000đ như di chúc đã nêu. Anh không có công sức gì trong khối di sản mà hai cụ để lại. Tại thời điểm lập di chúc, hai cụ có đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần minh mẫn, tỉnh táo, khỏe mạnh và đi lại được, không có ai ép buộc hai cụ phải lập di

chúc. Anh nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Hiện trạng diện tích thửa đất và kích thước các cạnh có sự biến động so với GCNQSDĐ và sơ đồ họa thửa đất kèm theo bản di chúc là do sai số đo đạc. Thực tế hiện nay giữa phần đất của anh, ông L và ông P được hưởng theo di chúc đã có ranh giới phân chia là các tường bao hoặc tường be, do vậy anh đề nghị Tòa án chia theo ranh giới này, ai thiếu đất thì phải chịu, ai thừa đất thì đương nhiên được hưởng mà không ai phải trả giá trị chênh lệch cho ai.

- Ông L trình bày: Về con chung của cụ A và cụ Nh, về thời gian chết của hai cụ, về nghĩa vụ tài sản mà hai cụ để lại, về nội dung di chúc ông trình bày như ông P, bà T, bà M, anh H đã trình bày nêu trên. Ngoài ra ông L còn xác định tại thời điểm lập di chúc bố mẹ ông còn minh mẫn, tỉnh táo. Ngày 16/9/2016, ông có đi cùng bố mẹ ra UBND xã V và chứng kiến việc bố mẹ ông thể hiện nguyện vọng trước lãnh đạo xã, sau đó trực tiếp ký và điểm chỉ vào di chúc. Nay ông nhất trí chia theo di chúc, ông không yêu cầu gì về công sức. Trên phần đất mà di chúc chia cho ông P, anh H hiện nay có nhà và công trình mà bố mẹ để lại. Còn trên phần đất mà di chúc chia cho ông thì có nhà và tài sản của vợ chồng ông. Ông không đề nghị xem xét giải quyết tài sản trên đất, ai được hưởng phần đất nào thì đương nhiên được hưởng tài sản trên phần đất đó mà không phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho ai. Ông nhất trí với kết quả thẩm định, định giá và xác định diện tích dôi dư 10m<sup>2</sup> so với GCNQSDĐ là do sai số đo đạc. Ông đề nghị Tòa án chia cho ông cả 232m<sup>2</sup> đất mà ông không phải trả chênh lệch giá trị đất cho ai. Ông tự nguyện nhập phần tài sản được chia vào tài sản chung của vợ chồng ông.

- Bà H trình bày: Bà là vợ ông L. Vợ chồng bà có nhà và công trình phụ, một số cây cối trên phần đất phía Bắc như ông L đã khai trên. Cháu N không có công sức gì trong khối tài sản này, ngoài ra cũng không ai có công sức tôn tạo vượt lập gì đối với đất. Đề nghị Tòa án tôn trọng di chúc và chia cho chồng bà phần đất phía Bắc như di chúc đã thể hiện. Bà đồng ý việc ông L nhập tài sản được chia vào tài sản chung của vợ chồng bà.

- Chị N trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc, đồng thời có ý kiến xin giải quyết vắng mặt.

\* *Kết quả thẩm định, định giá thể hiện:* Thửa đất số 155 có diện tích 778m<sup>2</sup> trị giá 1.089.200.000đ. Trên đất có các tài sản sau: 01 nhà mái bằng diện tích 90m<sup>2</sup> trị giá 391.827.000đ (đã bao gồm cả giá trị hệ thống điện nước kèm theo ngôi nhà này); 01 nhà mái tôn trị giá 27.825.000đ (đã bao gồm giá trị của công trình phụ thuộc nhà mái tôn và hệ thống điện nước kèm theo công trình này); 24,2m<sup>2</sup> mái tôn trị giá 3.348.000đ; tường bao xây gạch cạnh nhà mái tôn trị giá 5.773.097đ; tường sau nhà, 01 bể nước, 01 cổng sắt, 01 giếng nước, cây cối, các tài sản của vợ chồng ông L thuộc diện tích đất theo hình ABCDEFGP (có sơ đồ kèm theo) các đương sự không yêu cầu xem xét định giá; 01 nhà mái Proximang diện tích 32m<sup>2</sup> trị giá 10.430.000đ; 01 sân lát gạch đỏ diện tích 80m<sup>2</sup> trị giá 9.526.000đ; trụ cổng có tổng trị giá 4.396.000đ; 01 cổng inox trị giá 9.600.000đ; tường cổng trước sân lát gạch đỏ dài 5,95m trị giá 7.332.000đ;

tường ba banh giáp đường ngõ dài 6,3m trị giá 1.954.000đ; tường bao GG' dài 11,8m trị giá 7.527.000đ. Tường be sân tổng trị giá 1.747.591đ.

\* Tại bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 06/8/2019, TAND huyện Thanh Hà đã áp dụng Điều 609, 611, 612, 615, 623, 630, 635, 636, 649, 650, 651, 659, 660, 688, khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 26, Điều 35; Điều 36; Điều 147; Điều 157; Điều 158, Điều 165; Điều 166; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P.

Xác định di chúc lập ngày 16/9/2016 mà cụ A, cụ Nh để lại là di chúc hợp pháp.

Xác định di sản phân chia trong vụ án bao gồm:

- Di sản chia thừa kế theo di chúc: 778m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 14 tại xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương, trị giá 1.089.200.000đ. Trên đất có 01 nhà mái bằng diện tích 90m<sup>2</sup> trị giá 391.827.000đ.

- Di sản chia theo quy định pháp luật: 01 nhà mái tôn, công trình phụ thuộc nhà mái tôn và hệ thống điện nước kèm theo công trình này; mái tôn; tường bao xây gạch cạnh nhà mái tôn; 01 nhà mái Proximang; tường ba banh giáp đường ngõ; tường be sân, 01 sân gạch đỏ, cổng inox, trụ cổng; tổng trị giá 81.931.688đ.

Giao cho ông Nguyễn Hữu P 344m<sup>2</sup> đất theo hình HIJKNMO trị giá là 481.600.000đ.

Ông P được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được giao gồm: 01 cổng sắt, tường bao sau nhà, 01 bể nước và toàn bộ cây cối trên phần đất ông P được chia (không yêu cầu định giá); 01 nhà mái tôn trị giá 27.825.000đ (đã bao gồm giá trị của công trình phụ thuộc nhà mái tôn và hệ thống điện nước kèm theo công trình này); mái tôn trị giá 3.348.000đ; tường bao xây gạch cạnh nhà mái tôn trị giá 5.773.097đ; 01 nhà mái Proximang trị giá 10.430.000đ; tường ba banh giáp đường ngõ dài 6,3m trị giá 1.954.000đ; Tường be sân xây gạch 220 dài 11,7m trị giá 1.047.000đ; tổng = 50.377.097đ.

Ông P có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản bằng tiền cho ông Á, bà C mỗi người là 8.396.000đ (đã làm tròn số).

Giao cho ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị H 232m<sup>2</sup> đất theo hình ABCDEFGP, trị giá 324.800.000đ.

Ông L và bà H được sở hữu toàn bộ công trình, tài sản trên đất được giao (bao gồm cả tường bao đoạn GG').

Giao cho anh Nguyễn Hữu H 202m<sup>2</sup> đất theo hình GHOP, trị giá 282.800.000đ.

Anh H được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được giao gồm: Nhà mái bằng 90m<sup>2</sup> trị giá 391.827.000đ; sân gạch đỏ trị giá 9.526.000đ; tường bao dài 5,95m trị giá 7.332.000đ, 02 trụ cổng trị giá 4.396.000đ; cổng inox trị giá 9.600.000đ; 01 giếng

nước và cây cối trên phần đất được giao, tường be sân xây gạch 110 trị giá 365.000đ; tường be sân xây gạch 220 dài 5m trị giá 335.591đ.

Tổng trị giá di sản chia theo pháp luật giao cho anh H = 31.554.591đ và tổng trị giá di sản anh H được nhận theo di chúc = 674.627.000đ.

Anh H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản bằng tiền cho ông Á, bà C mỗi người = 5.259.000đ. Anh H có trách nhiệm trả bà T 250.000.000đ. Sau khi trừ số tiền phải trả nợ bà T và số tiền thanh toán giá trị kỷ phần di sản cho ông Á, bà C, trị giá tài sản mà anh H thực hưởng = 445.663.591đ.

Ông P, ông L, Anh H có trách nhiệm tự di dời hoặc tháo dỡ tường bao sau nhà, cây cối trên đất nếu các tài sản này trùng vào ranh giới phân chia đất cho họ.

Bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành, án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/8/2019, ông Nguyễn Hữu Á kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Ông P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Á giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Đánh giá, phân tích các căn cứ liên quan đến nội dung kháng cáo của các đương sự; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Á kháng cáo trong thời hạn nên là kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Á kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 768m<sup>2</sup> tại xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương là do cụ Á và cụ Nh được Nhà nước cấp quyền sử dụng được thể hiện tại bản đồ, sổ mục kê 299, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ vào ngày 20/6/2003. Trên đất có một số tài sản như nhà ở, công trình xây dựng khác và cây trồng là do hai cụ tạo dựng lúc sinh thời và một số tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Hữu L.

[3] Ngày 16/9/2016, tại UBND xã V, huyện T, cụ Á và cụ Nh đã lập di chúc bằng văn bản để lại một số tài sản cho con, cháu. Cụ Á và cụ Nh đã ký và điểm chỉ vào di chúc. Di chúc đã được UBND xã V, huyện T chứng thực.

Kết quả xác minh ở địa phương thể hiện tại thời điểm lập di chúc, cụ Á và cụ Nh hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn, không bị ai ép buộc. Nội dung địa phương cung cấp phù hợp với lời khai của các đương sự là ông P, ông L, bà T, bà M, anh H. Mặt khác di chúc này được lập tại UBND xã V, trình tự lập di chúc cơ bản đảm bảo theo thủ tục quy định tại các Điều 657, 658 Bộ luật dân sự năm 2005; nội dung di chúc không trái pháp luật, không trái đạo đức; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật. Thửa đất số 155, tờ bản đồ 14 và nhà mái bằng được định đoạt trong di chúc đều thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hai cụ.

Trong di chúc có sự nhầm lẫn, sai sót chính tả về năm sinh của cụ Nh; ngày, tháng sinh của ông Á và tên thửa đất trong sơ đồ họa thửa đất kèm theo di chúc. Ngoài ra di chúc chỉ được ghi chứng thực ở trang cuối và được đóng dấu giáp lai, người chứng thực không ký từng trang của di chúc. Xét di chúc lập ngày 16/9/2016 có những thiếu sót như đã nêu trên, tuy nhiên đó chỉ là những sai sót nhỏ trong kỹ thuật lập di chúc, không phải là vi phạm nghiêm trọng làm thay đổi bản chất của di chúc vì thực tế cụ Nh và cụ Á đã thể hiện và xác nhận ý chí của mình qua việc ký hoặc điểm chỉ vào từng trang của di chúc trước sự chứng kiến của lãnh đạo UBND xã V.

[4] Bị đơn ông Nguyễn Hữu Á cho rằng chữ ký của hai cụ trong di chúc là giả mạo. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Thanh Hà đã giải thích cho bị đơn về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, hướng dẫn bị đơn làm thủ tục đề nghị giám định chữ ký, vân tay, nhưng bị đơn từ chối thực hiện việc giám định. Do vậy lời khai này của bị đơn là không có cơ sở.

Ông Á còn khai nguyên đơn tự ý viết, tự ý thay đổi nội dung di chúc, nhưng ngoài lời khai của mình, ông Á không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Đối với các lý do ông Á nêu như: Gia đình ông chưa họp bàn bao giờ về nội dung di chúc, di chúc không đề cập đến di sản khác, nội dung di chúc mà ông P nộp có nội dung khác với di chúc ngày 17/2/2013, lãnh đạo xã chỉ trả lời miệng, không bằng văn bản, Hội đồng xét xử thấy theo quy định của pháp luật thì đây không phải là các lý do để quyết định tính hợp pháp của một di chúc.

Ngoài ra, ông Á có ý kiến tại thời điểm lập di chúc hai cụ đã lẫn và lời khai của bà Nguyễn Thị T1 (là chị dâu họ sống cạnh nhà hai cụ) cho rằng thời điểm năm 2016 có lúc cụ Nh không minh mẫn vì có biểu hiện như trời mưa mà vẫn ra đồng làm hay ra vườn bắt cá. Tuy nhiên ngoài lời khai của mình, ông Á và bà T1 đều không cung cấp

được các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc cụ Á, cụ Nh không tinh táo, mình mẫn tại thời điểm lập di chúc. Theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Bộ luật dân sự 2005 thì một người chỉ được coi là mất năng lực, hạn chế năng lực hành vi dân sự khi có kết luận của cơ quan chuyên môn và được Tòa án ra quyết định tuyên bố. Như vậy, rõ ràng lời khai nêu trên của ông Á, bà T1 là không có căn cứ chấp nhận.

Ông Á cho rằng cụ Nh không biết chữ, đã điểm chỉ vào di chúc nhưng không có người làm chứng là trái với quy định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên theo Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 thì người lập di chúc có thể ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc, trong trường hợp không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng ký xác nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định di chúc lập ngày 16/9/2016 mà nguyên đơn cung cấp và yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế là hợp pháp theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Á.

[6] Căn cứ theo di chúc lập ngày 16/9/2016 của cụ Á, cụ Nh, xác định người thừa kế theo di chúc của hai cụ gồm 03 người là ông P, ông L và anh H nên ông P, ông L và anh H là những người được hưởng thừa kế theo di chúc. Theo nội dung di chúc thì cụ Á, cụ Nh đã thể hiện ý chí định đoạt đối với tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình là quyền sử dụng đất tại thửa 155 và ngôi nhà mái bằng sau khi các cụ chết. Do vậy HĐXX xác định hai tài sản này là tài sản được phân chia theo di chúc.

[7] Bà C đề nghị chia thừa kế đối với thửa đất 155, tờ bản đồ số 14 cho bà vì bà cho rằng bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Tuy nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự, đối tượng được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc gồm có: Cha, mẹ, vợ, chồng, con chưa thành niên, con đã thành niên mà không có khả năng lao động. Xét bà C không thuộc các đối tượng này, do vậy đề nghị nêu trên của bà C không được chấp nhận.

[8] So sánh giữa GCNQSDĐ, sơ đồ họa thửa đất kèm theo di chúc với kết quả đo thẩm định thì thấy diện tích đất theo đo thẩm định tăng 10m<sup>2</sup>, và kích thước từng cạnh của thửa đất cũng có sự biến đổi (cạnh thì tăng lên, cạnh lại giảm đi). Tuy nhiên qua xác minh với UBND xã V thì có sự chênh lệch này là do sai số đo đạc, gia đình cụ Á không lấn chiếm đất công, đề nghị Tòa án tôn trọng và chia theo hiện trạng. Mặt khác, khi lập di chúc ý chí của hai cụ chỉ để lại đất cho 3 người là ông P, ông L, anh H. Do vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào kết quả thẩm định để phân chia đất cho 3 người đó.

[9] Thực tế hiện nay giữa phần đất của ông P, ông L và anh H được hưởng theo di chúc đã có ranh giới phân chia là các tường bao hoặc tường be. Nếu phân chia khác ranh giới này có thể sẽ phạm vào các công trình trên đất. Mặt khác họ cùng đề nghị Tòa án phân chia theo ranh giới thực tế đó và toàn bộ tường bao đoạn GG' giao cho ông L sở hữu, còn toàn bộ tường be, tường bao phân cách giữa phần đất của anh H với phần đất của ông P thì giao cho ông P quản lý; ai thiếu đất thì phải chịu, ai thừa đất thì đương nhiên được hưởng mà không ai phải trả giá trị chênh lệch cho ai. Xét nguyện vọng trên của ông P, ông L, anh H là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[10] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự thì ngoài hai loại tài sản được đề cập trong di chúc như đã nêu trên, tại thửa đất 155 còn nhiều tài sản khác trên đất như: Toàn bộ tài sản trên phần đất phía Bắc theo hình ABCDEFGP (có sơ đồ chi tiết kèm theo), là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà H (bao gồm cả tường bao đoạn GG'); các tài sản khác còn lại trên thửa đất 155 là tài sản của cụ Á, cụ Nh để lại.

[11] Ông Á cho rằng tại thửa 155 có 01 nhà cấp bốn lợp tôn là nhà do ông bỏ tiền ra xây khi bố mẹ ông còn sống, tuy nhiên ngoài lời khai của mình ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[12] Trong số các tài sản trên đất mà hai cụ để lại, các đương sự không yêu cầu giải quyết đối với 01 giếng nước, 01 bể nước, các đoạn tường bao phía sau vườn, 01 cổng sắt và toàn bộ cây cối trên đất. Sau này chia cho ai hưởng phần đất nào thì người đó đương nhiên được hưởng các tài sản đó trên đất mà không phải chia trả chênh lệch giá trị tài sản trên đất cho ai. Xét nguyện vọng này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, được HĐXX chấp nhận.

[13] Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản gồm: 01 nhà mái tôn, công trình phụ thuộc nhà mái tôn và hệ thống điện nước kèm theo công trình này; 24,2m<sup>2</sup> mái tôn; tường bao xây gạch cạnh nhà mái tôn; 01 nhà mái Proximang diện tích 32m<sup>2</sup>; 01 sân lát gạch đỏ; trụ cổng; 01 cổng; tường bao trước sân lát gạch đỏ; tường ba banh giáp đường ngõ; tường be sân. này. Các đương sự khác không ai khởi kiện yêu cầu giải quyết tài sản khác ngoài tài sản mà nguyên đơn đang yêu cầu. Do vậy, trong vụ án này Tòa án chỉ xem xét giải quyết đối với quyền sử dụng đất thửa 155 và tài sản trên đất này. Các đương sự cũng không có yêu cầu xem xét về công sức đối với đất và tài sản trên thửa đất 155 mà hai cụ Á, Nh để lại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[14] Cụ Á và cụ Nh sinh được 07 người con là Nguyễn Hữu Á, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Hữu D. Ông D đã chết từ năm 1972 khi chưa có vợ con nên không được hưởng thừa kế. Tuy thời điểm mở thừa kế của cụ Á và cụ Nh là khác nhau, nhưng ngoài con chung như đã nêu trên, hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác, do đó Tòa án xác định chung hàng thừa kế theo pháp luật của hai cụ gồm 06 người là ông Á, ông L, ông P, bà C, bà T, bà M.

[15] Căn cứ kết quả định giá tài sản thì tổng các tài sản được chia thừa kế theo pháp luật trị giá là 81.931.688đ. Vì vậy bà C, ông Á, ông L, ông P, bà T, bà M mỗi người được hưởng kỷ phần tài sản trên đất trị giá 13.655.000đ (đã làm tròn số). Tuy nhiên bà T, bà M, ông P, anh H, ông L đều ý kiến ai lấy phần đất nào thì sẽ được hưởng tài sản trên đất đó, không phải trả cho các ông bà giá trị tài sản trên đất. Xét ý chí này của bà T, bà M, ông P, anh H, ông L là tự nguyện, được chấp nhận nên anh H, ông P, ông L khi được giao đất sẽ không phải trả giá trị tài sản trên đất cho nhau, và cũng không phải trả cho bà T, bà M. Hiện toàn bộ tài sản trên đất chia thừa kế theo pháp luật đều thuộc phần đất giao cho anh H, ông P nên anh H, ông P có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế chia tài sản trên đất theo pháp luật cho ông Á, bà C.

[16] Về thực hiện nghĩa vụ tài sản mà người chết để lại, trong di chúc có nêu: Anh H được hưởng nhà đất nhưng đồng thời có nghĩa vụ trả bà T số tiền 250.000.000đ mà hai cụ đã vay làm nhà. Anh H, bà T đều nhất trí thực hiện nội dung này. Do vậy chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, bà T: Anh H có trách nhiệm trả bà T 250.000.000đ.

[16] Cụ A và cụ Nh lập di chúc vào ngày 16/9/2016, hình thức và nội dung của di chúc phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[17] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ông P là người đã tạm ứng phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với tổng số tiền là 6.600.000đ. Theo quy định của pháp luật, các đương sự phải chịu phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với giá trị tài sản được chia, do đó ông P, ông Á, ông L, bà C và anh H phải chịu các chi phí này; ông Á, ông L, bà C và anh H có trách nhiệm hoàn lại các chi phí này cho ông P.

[18] Về án phí: Ông Á kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu Á. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, các Điều 468, 609, 611, 612, 613, 614, 615, 623, 624, 626, 628, 630, 631, 635, 636, 649, 650, 651, 659, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P.

1. Xác định di chúc lập ngày 16/9/2016 mà cụ A, cụ Nh để lại là di chúc hợp pháp.

2. Xác định di sản phân chia trong vụ án bao gồm:

- Di sản chia thừa kế theo di chúc: 778m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 14 tại xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương, trị giá 1.089.200.000đ. Trên đất có 01 nhà mái bằng diện tích 90m<sup>2</sup> trị giá 391.827.000đ.

- Di sản chia thừa kế theo pháp luật: 01 nhà mái tôn, công trình phụ thuộc nhà mái tôn và hệ thống điện nước kèm theo công trình này; mái tôn; tường bao xây gạch cạnh nhà mái tôn; 01 nhà mái Proximang; tường ba banh giáp đường ngõ; tường be sân, 01 sân gạch đỏ, cổng inox, trụ cổng; tổng trị giá 81.931.688đ.

### 3. Chia thừa kế:

\* Giao cho ông Nguyễn Hữu P 344m<sup>2</sup> đất tại thửa 155, tờ bản đồ số 14 ở xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương theo hình HIJKNMO (có sơ đồ chi tiết kèm theo) trị giá 481.600.000đ.

Ông P được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được giao gồm: 01 cổng sắt, tường bao sau nhà, 01 bể nước và toàn bộ cây cối trên phần đất ông P được chia (không yêu cầu định giá); 01 nhà mái tôn trị giá 27.825.000đ (đã bao gồm giá trị của công trình phụ thuộc nhà mái tôn và hệ thống điện nước kèm theo công trình này); mái tôn trị giá 3.348.000đ; tường bao xây gạch cạnh nhà mái tôn trị giá 5.773.097đ; 01 nhà mái Proximang trị giá 10.430.000đ; tường ba banh giáp đường ngõ dài 6,3m trị giá 1.954.000đ; Tường be sân xây gạch 220 dài 11,7m trị giá 1.047.000đ; tổng là 50.377.097đ.

Ông P có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản bằng tiền cho ông Á, bà C mỗi người là 8.396.000đ (đã làm tròn số). Sau khi trừ đi số tiền phải thanh toán cho ông Á, bà C, tổng giá trị di sản ông P được nhận là 515.185.000đ.

\* Giao cho ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị H 232m<sup>2</sup> đất tại thửa 155, tờ bản đồ số 14 ở xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương theo hình ABCDEFGP (có sơ đồ chi tiết kèm theo), trị giá 324.800.000đ.

Ông L và bà H được sở hữu toàn bộ công trình, tài sản trên đất được giao (bao gồm cả tường bao đoạn GG').

\* Giao cho anh Nguyễn Hữu H 202m<sup>2</sup> đất tại thửa 155, tờ bản đồ số 14 ở xóm 1, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương theo hình GHOP (có sơ đồ chi tiết kèm theo), trị giá 282.800.000đ.

Anh H được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được giao gồm: Nhà mái bằng 90m<sup>2</sup> trị giá 391.827.000đ (đã bao gồm cả hệ thống điện nước kèm theo ngôi nhà); sân gạch đỏ trị giá 9.526.000đ; tường bao trước sân gạch đỏ dài 5,95m trị giá 7.332.000đ, 02 trụ cổng cổng trị giá 4.396.000đ; cổng inox trị giá 9.600.000đ; 01 giếng nước và cây cối trên phần đất được giao (không yêu cầu định giá), tường be sân xây gạch 110 trị giá 365.000đ; tường be sân xây gạch 220 dài 5m trị giá 335.591đ.

Tổng trị giá di sản chia theo pháp luật giao cho anh H là 31.554.591đ và tổng trị giá di sản anh H được nhận theo di chúc là 674.627.000đ.

Anh H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản bằng tiền cho ông Á, bà C mỗi người là 5.259.000đ. Anh H có trách nhiệm trả bà T 250.000.000đ khoản nợ mà hai cụ Á, Nh vay làm nhà. Sau khi trừ số tiền phải trả nợ bà T và số tiền thanh toán giá trị kỷ phần di sản cho ông Á, bà C, trị giá tài sản mà anh H thực hưởng là 445.663.591đ.

*Ông P, ông L, anh H có trách nhiệm tự di dời hoặc tháo dỡ tường bao sau nhà, cây cối trên đất nếu các tài sản này trùng vào ranh giới phân chia đất cho họ.*

### 4. Về chi phí thẩm định, định giá:

Ông Nguyễn Hữu Á, bà Nguyễn Thị C mỗi người phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho ông P là 57.000đ.

Ông Nguyễn Hữu L phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho ông P là 1.371.000đ.

Anh Nguyễn Hữu H phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho ông P là 2.937.600đ.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

#### 5. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Hữu Á, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu L.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Hữu L.

Ông Nguyễn Hữu P phải chịu 24.607.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ 13.500.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0000358 ngày 22/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, ông P còn phải nộp 11.107.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H phải chịu 21.826.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia thừa kế và 12.500.000đ tiền án phí đối với khoản nghĩa vụ mà người chết để lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/11/2019.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

#### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyết**